

Số: 573 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án xã hội hóa giáo dục mầm non, phổ thông tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 8, khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2019/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về việc tăng cường huy động nguồn lực của xã hội hóa đầu tư cho phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Thông báo kết luận số 607-TB/TU ngày 16/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án xã hội hóa giáo dục mầm non, phổ thông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 21/TTr-SGDĐT ngày 09/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xã hội hóa giáo dục mầm non, phổ thông tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Có Đề án kèm theo).

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đúng quy định; định kỳ tổng hợp báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong Đề án ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *huu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, Các PCT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX *m*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



huu

Trần Thị Bích Hằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH



ĐỀ ÁN
XÃ HỘI HOA GIÀO ĐỨC MÀM NON, PHỔ THÔNG TỈNH THÁI BÌNH
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số: 578/QĐ-UBND ngày 27/3/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thái Bình, năm 2023

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Xã hội hóa giáo dục là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, là nhiệm vụ mang tầm chiến lược, được coi là một chỉ tiêu trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời xã hội hóa giáo dục là con đường quan trọng để thực hiện dân chủ hóa giáo dục, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội¹.

- Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển xã hội hóa giáo dục, như: Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 về quy hoạch mạng lưới trường học tỉnh Thái Bình đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; trong đó khuyến khích, ưu tiên phát triển các trường mầm non, phổ thông tại các khu công nghiệp, đô thị và khu vực có điều kiện kinh tế phát triển; Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND của ngày 24/9/2014 về việc ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020; Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 về phê duyệt Đề án xây dựng xã hội học tập tỉnh Thái Bình đến năm 2020; Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 về việc quy định các khoản thu, mức thu và quản lý, sử dụng trong các cơ sở giáo dục công lập; trong đó có phần huy động sự đóng góp từ gia đình người học để phát triển giáo dục; Quyết định số 3768/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 về phê duyệt Đề án dạy bơi, phòng, chống đuối nước cho học sinh tiểu học, THCS tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030; trong đó 100% nguồn vốn thực hiện là huy động kêu gọi đầu tư của các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, các tổ chức phi chính phủ, cá nhân; Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 về phê duyệt Đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập từ năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Bình...

- Công tác xã hội hóa giáo dục đã đạt nhiều kết quả tích cực: Nhận thức về công tác xã hội hóa giáo dục của các cấp, các ngành và nhân dân có nhiều chuyển

¹ Theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ, nội dung XHH giáo dục bao gồm: (1) Tạo ra phong trào học tập sâu rộng trong toàn xã hội theo nhiều hình thức; vận động toàn dân, trước hết là những người trong độ tuổi lao động, thực hiện học tập suốt đời làm cho xã hội ta trở thành một xã hội học tập; (2) Vận động toàn dân chăm sóc thể hệ trẻ, tạo môi trường giáo dục lành mạnh, phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và giáo dục ngoài xã hội; tăng cường trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các doanh nghiệp... đối với sự nghiệp giáo dục; (3) Nâng cao ý thức trách nhiệm và sự tham gia của toàn dân đối với giáo dục nhằm củng cố, tăng cường hiệu quả của hệ thống giáo dục để phục vụ tốt việc học tập của nhân dân. Luật Giáo dục 2019 chỉ rõ: “Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển SNGD; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tự thực đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao”... “Tổ chức, gia đình và cá nhân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với cơ sở giáo dục thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh”.

biên; đã có sự quan tâm, chăm lo, huy động sự đóng góp của nhân dân, các tổ chức xã hội, đoàn thể, đặc biệt là cha mẹ học sinh trong việc đóng góp công sức, xây dựng trường lớp, vận động học sinh đi học và tạo ra phong trào học tập sâu rộng trong toàn xã hội. Quy mô, mạng lưới các cơ sở giáo dục tư thục tăng nhanh, đặc biệt ở cấp học mầm non và các trung tâm tin học, ngoại ngữ, tư vấn du học.

- Trong điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn có những khó khăn nhất định, giải pháp huy động nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp trong xã hội để đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng xã hội học tập, tham gia các kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhất là cùng nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, góp phần thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông 2018...là cần thiết.

- Bên cạnh đó, việc thực hiện vận động, thu hút sự tham gia, ủng hộ của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và của nhân dân trong việc đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất và thành lập cơ sở giáo dục tư thục...sẽ góp phần tích cực trong việc huy động trẻ đến trường, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân, giảm áp lực tuyển sinh lên các trường công lập; thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, phân luồng học sinh, xây dựng trường chuẩn quốc gia, xây dựng nông thôn mới. Công tác xã hội hóa sẽ giúp người dân được thụ hưởng, có thêm sự lựa chọn, tạo điều kiện cho các cấp quản lý điều chỉnh chính sách về giáo dục, tạo việc làm cho đội ngũ nhà giáo, tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa trường công lập và trường tư thục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thúc đẩy giáo dục phát triển.

- Đề án xã hội hóa giáo dục mầm non, phổ thông tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến 2030 nhằm giải quyết những hạn chế, khó khăn trong thực tiễn đã gặp phải, đó là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện xã hội hóa giáo dục của một số cấp ủy, chính quyền còn chưa sâu sát, chưa quyết liệt; cơ chế, chính sách và các quy định, hướng dẫn khuyến khích, thực hiện chủ trương xã hội hóa chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chưa kịp thời; chưa có những giải pháp mang tính đột phá; sự tham gia, vào cuộc của các lực lượng xã hội chưa thường xuyên; công tác truyền thông về xã hội hóa trong giáo dục chưa được đẩy mạnh, chưa tạo được sự đồng thuận cao trong nhân dân. Việc huy động xã hội hóa giáo dục chủ yếu vận động đầu tư xây dựng cơ sở vật chất mà chưa có tính hệ thống, toàn diện; công tác quản lý, sử dụng các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ ở một số đơn vị, cơ sở giáo dục còn hạn chế làm giảm tính tích cực, hiệu quả của công tác xã hội hóa. Một số cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đầu tư còn manh mún, hoạt động chưa hiệu quả, ảnh hưởng đến quyết định đầu tư, phát triển hệ thống mạng lưới trường học...

- Thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện chất lượng giáo dục đào tạo; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2019-2025, trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, thực hiện chương trình giáo dục đào tạo mới gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, của tỉnh Thái Bình nói riêng, việc ban hành Đề án xã hội hóa giáo dục mầm non, phổ thông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là cần thiết để huy động tối đa các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn tỉnh.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Văn bản của Trung ương

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 8, khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

- Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa thể thao và môi trường;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ phí học tập;

- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ;

- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về việc tăng cường huy động nguồn lực của xã hội hóa đầu tư cho phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2019-2025;

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 31/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường điều kiện bảo đảm thực hiện hiệu quả, chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông;

- Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/6/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục;

- Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

- Các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ trường mầm non; số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ trường tiểu học; số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Văn bản của tỉnh

- Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 15/10/2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 30/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX;

- Chương trình hành động số 02/CTHĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX;

- Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

- Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

- Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 12/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

- Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2025 của tỉnh Thái Bình;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TỪ NĂM 2016 ĐẾN NAY

I. KHÁI QUÁT QUY MÔ, MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC, ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

1. Về quy mô trường, lớp, học sinh

- Thái Bình hiện có đủ hệ thống các trường học từ mầm non đến đại học, với đủ các loại hình, cấp học và ngành nghề, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Kết thúc năm học 2021-2022, toàn tỉnh có 742 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; 12.362 lớp, 416.914 học sinh; ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có 94 trung tâm ngoại ngữ, tin học, tư vấn du học, giáo dục kỹ năng sống với 25.459 học viên; 260 trung tâm học tập cộng đồng, hàng năm thu hút được trên một triệu lượt người tham gia.

- Bình quân trên địa bàn toàn tỉnh, cấp mầm non có 12,3 nhóm, lớp/trường, 26,7 trẻ/nhóm lớp (Điều lệ quy định 25 trẻ/nhóm, lớp); tiểu học 15,4 lớp/trường có cấp tiểu học, 34 học sinh/lớp; trung học cơ sở 10,3 lớp/trường có cấp trung học cơ sở, 37 học sinh/lớp; trung học phổ thông 31,6 lớp/trường, 44,3 học sinh/lớp; giáo dục thường xuyên (dạy chương trình trung học phổ thông) 23,6 lớp/trung tâm, 43,4 học sinh/lớp.

- Riêng Thành phố, bình quân tiểu học có 21 lớp/trường, 48,2 học sinh/lớp (điều lệ quy định 35 học sinh/lớp); trung học cơ sở có 13,5 lớp/trường, 44,6 học sinh/lớp.

2. Tình hình đội ngũ

Tính đến cuối năm học 2021-2022, ngành Giáo dục có 24.981 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; có 84,70% đạt chuẩn (trong đó 22,88% trên chuẩn).

II. KHÁI QUÁT QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG HỌC, ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN CÁC CƠ SỞ MẦM NON, PHỔ THÔNG TƯ THỰC

1. Tình hình các cơ sở mầm non tư thực

1.1. Quy mô mạng lưới trường lớp năm học 2021-2022

- Có 14 trường mầm non tư thực, đạt tỷ lệ 4,6% số trường mầm non và 60 cơ sở giáo dục mầm non độc lập. Các trường tư thực tập trung chủ yếu ở Thành phố (12 trường) và huyện Đông Hưng (02 trường), các cơ sở độc lập nằm rải rác ở các địa phương.

- Tổng số nhóm, lớp trường mầm non tư thực là 161; tổng số nhóm, lớp độc lập là 145. Tổng số trẻ mầm non đến trường, lớp tư thực là 5.638 chiếm tỷ lệ 5,7% số trẻ đi học, trong đó: trong trường mầm non tư thực là 3.257 chiếm 3,3% số trẻ đi học, trong cơ sở giáo dục mầm non độc lập là 2.381, chiếm 2,4% số trẻ đi học.

1.2. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- 100% số trường và nhóm, lớp độc lập tổ chức nuôi ăn bán trú, tổ chức học 2 buổi/ngày. Các trường mầm non tư thục đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, theo dõi sự tăng trưởng của trẻ.

- 100% số trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Các trường đã vận dụng các phương thức giáo dục tiên tiến vào thực hiện chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động để giúp trẻ hình thành các kỹ năng, phát triển toàn diện theo các lĩnh vực; trẻ em đến trường được chăm lo phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ giúp hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp một...

1.3. Cơ sở vật chất, đội ngũ

- Cơ sở vật chất chủ yếu do các nhà đầu tư cung cấp vốn hoàn toàn; trong các trường cơ bản đủ phòng học kiên cố cho các nhóm, lớp, khối phòng phục vụ học tập, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị bán trú đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu và từng bước được đầu tư theo hướng hiện đại.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên các trường mầm non tư thục là 405 người, trong đó cán bộ quản lý là 28 người, giáo viên là 377 người. Đa số các trường đã bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện vận dụng các phương pháp tiên tiến (steam, montessori) vào chăm sóc, nuôi dưỡng, giảng dạy cho trẻ.

2. Tình hình các trường trung học phổ thông tư thục

2.1. Quy mô mạng lưới trường lớp, học sinh năm học 2021-2022

- Toàn tỉnh có 173 lớp trung học phổ thông tư thục với 7.882 học sinh, chiếm 14,43 % so với học sinh học trung học phổ thông. Tuy nhiên có một số trường có quy mô lớp học, học sinh ít như: Trường trung học phổ thông Nguyễn Công Trứ, trường trung học phổ thông Hồng Đức.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học còn cao, ở một số năm trường trung học phổ thông Hùng Vương là 3,88%; trường trung học phổ thông Đông Quan là 1,9%; trường trung học phổ thông Trần Thị Dung là 1,64%...

- Các nhà trường đã bám sát các quy định về tổ chức và hoạt động của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại: Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011; Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục và các văn bản liên quan của các cơ quan có thẩm quyền để tổ chức hoạt động.

2.2. Công tác dạy và học

- Các nhà trường đã chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc điểm của đơn vị. Kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của các đơn vị đã tiếp cận, xây dựng theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tích cực tham gia cuộc thi, hội thi, các hoạt động thể thao do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.



- Các trường thực hiện nghiêm túc giảng dạy chính khóa, lồng ghép, tích hợp các nội dung: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục phòng, chống tham nhũng; giáo dục phòng, chống tai tệ nạn xã hội; giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống; giáo dục kỹ năng sống; giáo dục phát huy truyền thống văn hóa, văn hiến, yêu nước, cách mạng của quê hương; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới biển đảo...

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại học sinh theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011, Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chất lượng giáo dục đại trà cơ bản ổn định, điển hình là trường trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình nhiều năm liên tục có tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trường trung học phổ thông đạt 100%, điểm trung bình nhiều môn thi đạt cao hơn trung bình của tỉnh, của toàn quốc.

2.3. Công tác tuyển sinh vào lớp 10

Từ những năm đầu chuyển đổi thành mô hình tư thục, các trường trung học phổ thông tư thục đã gặp nhiều khó khăn (về quy mô, đội ngũ, tài chính, chế độ chính sách...), sau khi đi vào hoạt động các trường đã dần có bước phát triển ổn định. Các trường tư thục không quy định vùng tuyển sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo duyệt danh sách tuyển sinh của các trường dựa trên cơ sở quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên... Một số trường đã làm tốt công tác tuyển sinh, nhiều năm có số lượng tuyển sinh cao như trường trung học phổ thông Diêm Điền, trường trung học phổ thông Nguyễn Huệ, trường trung học phổ thông Đông Quan, trường trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình,...

2.4. Công tác tài chính, tài sản, đất đai

- Các trường trung học phổ thông tư thục tự chủ về quản lý tài chính (mức thu, chi), quản lý, sử dụng tài sản.

- Trong những năm gần đây, tỉnh đã quan tâm hỗ trợ kinh phí mua tài khoản bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; hỗ trợ giáo viên bị giảm sâu thu nhập do đại dịch Covid-19; kinh phí thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về miễn giảm học phí...

- Đối với việc chuyển đổi mô hình từ trường bán công sang trường tư thục²: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định chuyển trường trung học phổ thông bán công sang loại hình trường tư thục. Giao các sở, ngành, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn kiểm kê, định giá tài sản để xác định tổng giá trị tài sản thực tế của các trường trung học phổ thông bán công theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án xử lý tài chính của trường theo quy định tại Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT ngày 08/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác của pháp luật.

² đó là các trường: Trường THPT bán công Kiến Xương chuyển thành trường THPT Hồng Đức; trường THPT bán công Tiền Hải thành trường THPT Hoàng Văn Thái; trường THPT bán công Đông Hưng thành trường THPT Đông Quan; trường THPT bán công Vũ Thư thành trường THPT Hùng Vương; trường THPT bán công Trần Hưng Đạo thành trường THPT Trần Hưng Đạo, trường THPT bán công Nguyễn Huệ thành trường THPT Huệ, trường THPT bán công Trần Thị Dung thành trường THPT Trần Thị Dung

III. HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI HÓA ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT, PHỤC VỤ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Các khoản thu theo kế hoạch năm học

Từ năm 2016 đến năm 2020:

- Nguồn thu học phí: Tổng số 392 tỷ 397 triệu đồng. Trong đó mầm non dưới 5 tuổi là 191 tỷ 140 triệu đồng;

- Nguồn thu sửa chữa nhỏ, mua sắm trang thiết bị: 172 tỷ 685 triệu đồng;

- Nguồn thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

+ Coi xe, nước uống là 126 tỷ 095 triệu đồng;

+ Hoạt động trải nghiệm là 2 tỷ 112 triệu đồng;

+ Làm quen với tiếng Anh 73 tỷ 097 triệu đồng;

+ Chăm sóc bán trú là 397 tỷ 327 triệu đồng; trang thiết bị phục vụ bán trú: 49 tỷ 831 triệu đồng;

- Nguồn thu hộ, chi hộ: (Tiền ăn, chất đốt, Bảo hiểm y tế...): 1.238 tỷ 875 triệu đồng;

- Nguồn khác (cha mẹ học sinh thực hiện...): 38 tỷ 030 triệu đồng.

2. Nguồn vận động, tài trợ

- Từ năm 2016 đến năm 2020: Tổng số nguồn vận động, tài trợ huy động được là: 589 tỷ 141 triệu đồng (mầm non: 47 tỷ 254 triệu đồng; phổ thông: 541 tỷ 887 triệu đồng). Trong đó tài trợ từ các doanh nghiệp là 29 tỷ 261 triệu đồng.

- Nhìn chung, việc huy động xã hội hóa để thành lập mới các cơ sở giáo dục tư thục có chuyển biến tích cực, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, hình thành và phát triển các cơ sở giáo dục mầm non, trung học phổ thông...tuy nhiên, số lượng trường tư thục còn ít, chủ yếu tập trung ở thành phố Thái Bình và ở cấp học mầm non; các điều kiện cơ sở vật chất của các trường trung học phổ thông còn hạn chế, chưa ổn định.

3. Chính sách hỗ trợ về đất, tài sản

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 (*chính sách miễn, giảm tiền thuê đất*); chỉ đạo thực hiện Nghị định 151/2017/NĐ-CP về cho thuê tài sản công (*thuê tài sản công theo hình thức đấu thầu, thời hạn hợp đồng 5 năm*). Số cơ sở giáo dục thuê tài sản: 192 đơn vị thuê tài sản; số tiền thuê tài sản, thuê quyền sử dụng đất 5 năm là 1.148 tỷ đồng (*bình quân 229 tỷ đồng/năm*).

- Các cơ chế, chính sách khác có liên quan: Qua rà soát các cơ chế, chính sách của Nhà nước như Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI, Kết luận 51-KL/TW ngày 30/05/2019 của Ban Bí thư, Nghị quyết 35/2019/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ và Luật Giáo dục 2019 và các văn bản có liên quan...trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đất đai, miễn giảm học phí, cho thuê tài sản...

4. Công tác xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng xã hội học tập

- Thực hiện chủ trương tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để mọi người ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên, liên tục, suốt đời ở mọi nơi, mọi lúc, mọi trình độ. Huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia xây dựng và phát triển giáo dục; mọi cá nhân, tổ chức đều có trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc học tập và tham gia tích cực xây dựng xã hội học tập.

- Các sở, ngành, huyện, thành phố đã triển khai có hiệu quả các mục tiêu của Đề án xây dựng xã hội học tập: Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, ban hành Kế hoạch xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thành lập trung tâm học tập cộng đồng tạo điều kiện cho mọi người dân đều được học tập, huy động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đóng góp cho sự nghiệp giáo dục.

- Các trung tâm học tập cộng đồng không ngừng được củng cố nâng cao chất lượng hoạt động, đã tạo điều kiện và cơ hội cho mọi người, mọi thành phần dân cư tham gia và chọn lựa việc học tập nâng cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp, kỹ năng lao động theo cả hai hướng vừa đầu tư xây dựng phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao vừa huy động các nguồn lực, các biện pháp để đáp ứng nhu cầu học tập cho công nhân, nông dân, người lao động.

- Nhiều mô hình học tập như: Công dân học tập, gia đình học tập, cộng đồng học tập... được mở rộng; đặc biệt các tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh tham gia thường xuyên, đạt hiệu quả cao.

5. Công tác xã hội hóa thông qua việc huy động các lực lượng, các nguồn lực của xã hội đầu tư cho giáo dục

5.1. Huy động các lực lượng xã hội cho công tác phổ cập giáo dục

- Thành lập Ban Chỉ đạo phổ cập cấp tỉnh, huyện và phường, xã, thị trấn, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ban, ngành, đoàn thể cùng thực hiện phổ cập giáo dục, tùy theo nhiệm vụ, chức năng huy động đối tượng phổ cập đến lớp, phân công chăm sóc động viên, dạy dỗ và chăm lo cơ sở vật chất, chế độ chính sách cho việc dạy và học, đảm bảo không để tình trạng học sinh phải nghỉ học vì lý do kinh tế.

- Với sự chăm lo, vào cuộc của các tầng lớp trong xã hội, Thái Bình là một trong những địa phương sớm hoàn thành phổ cập giáo dục và được Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra và ra Quyết định công nhận đạt phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, năm 2011; là tỉnh đầu tiên được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2; là một trong 2 tỉnh đầu tiên được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi.

5.2. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục phát triển

- Trong nhà trường, thông qua việc tổ chức cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”; phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; phối hợp với tổ chức Đội thiếu niên tiền phong, Đoàn Thanh niên trong phong trào “Đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trong

trường học”, “Công trường em sạch, đẹp, an toàn”... đã góp phần hình thành môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội vào nhà trường.

- Môi trường xã hội với các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”; phong trào xây dựng cơ quan - trường học - đơn vị văn hoá,... đã xây dựng cộng đồng dân cư an toàn, không có ma tuý, không có tệ nạn xã hội, tạo môi trường xã hội ngày càng lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giáo dục, hình thành nhân cách học sinh.

- Việc phối hợp có hiệu quả giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong thời gian qua đã góp phần tăng tỷ lệ trẻ em đúng độ tuổi đến trường, tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm dần, đẩy lùi các tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường, số lượng trường có môi trường “Xanh - sạch - đẹp” và cơ quan đơn vị trường học có đời sống văn hóa tốt ngày càng đạt tỷ lệ cao.

5.3. Phát huy vai trò của các Hội, Đoàn địa phương trong việc xây dựng các quỹ bảo trợ học đường, khen thưởng.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu Chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học, Hội chữ thập đỏ... các cấp và các Tổ chức phi Chính phủ, các Tổ chức kinh tế... tích cực đóng góp vào việc xây dựng quỹ học bổng và các giải thưởng động viên, khuyến khích các em học sinh vươn lên trong học tập.

- Hội Khuyến học các cấp thông qua các mô hình: Dòng họ học tập; cộng đồng học tập; đơn vị học tập đã huy động được sự quan tâm của các tầng lớp nhân dân cho sự nghiệp giáo dục. Việc xây dựng quỹ bảo trợ học đường, quỹ khen thưởng thông qua các hội, đoàn địa phương đã giúp sức cho nhiều trẻ em tiếp tục đến trường, thực hiện được ước mơ nghề nghiệp, hoài bão tương lai; các hình thức khuyến học như “tiếp sức đến trường”, “con nuôi đồn biên phòng”, “nâng bước em tới trường”... được tổ chức thường xuyên, hiệu quả.

5.4. Công tác huy động nguồn lực trong các cơ sở giáo dục công lập

a) Nguồn lực từ ngân sách nhà nước

- Trong những năm qua, nguồn lực dành cho chi thường xuyên và đầu tư xây dựng trường, sửa chữa trường, hoặc cải tạo và nâng cấp của tỉnh dựa trên những nguồn vốn sau: Vốn ngân sách nhà nước các cấp, kinh phí xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác. Bên cạnh đó, đối với các cơ sở giáo dục công lập có sự huy động nguồn lực đóng góp từ cha mẹ học sinh và các lực lượng khác cho nhiều mục đích khác nhau như tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, hỗ trợ các hoạt động giáo dục.

- Ngân sách nhà nước mỗi năm đã dành tỷ lệ thích hợp cho việc chi thường xuyên và chi cho đầu tư xây dựng mới, sửa chữa và cải tạo, nâng cấp trường học. Vốn ngân sách là 1.035,656 tỷ đồng, vốn vay từ quỹ đầu tư và các nguồn khác là 89,026 tỷ đồng, vốn xã hội là 182,674 tỷ đồng. Tuy nhiên, ngân sách này chưa đủ để đảm bảo đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn về trường lớp. Trong các nguồn kinh phí đầu tư cho sửa chữa, cải tạo nâng cấp trường học thì

vốn ngân sách là 90.630 tỷ đồng, vốn vay từ quỹ đầu tư và từ các nguồn khác là 55 tỷ đồng, vốn xã hội là 19.457 tỷ đồng để phát triển trường lớp.

- Cùng với việc tăng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, nguồn ngân sách ngoài nhà nước tăng lên đáng kể, việc đóng góp từ các nguồn khác cho phát triển giáo dục cũng tăng hàng năm.

b) Thực hiện chế độ học phí

- Trên cơ sở theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Thái Bình đã chủ động ban hành mức học phí cụ thể cho từng cấp học, phù hợp với khung học phí do Chính phủ quy định, mức sống và khả năng đóng góp của nhân dân trong tỉnh. Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Nhiều năm qua, không có hiện tượng bỏ sót đối tượng, không có học sinh phải bỏ học vì lý do học phí.

- Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội, nên mức học phí trên địa bàn tỉnh còn thấp so với nhu cầu và so với các địa phương trong cả nước; bên cạnh đó nguồn thu từ học phí của các cơ sở giáo dục công lập phải cơ cấu 40% để thực hiện chính sách tiền lương, do đó việc tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức các hoạt động giáo dục còn gặp khó khăn. Đối với các cơ sở tư thục, mức sống của người dân trên địa bàn chưa cao, dẫn đến mức thu cũng chưa đáp ứng được sự kỳ vọng của các nhà đầu tư, làm ảnh hưởng đến sự phát triển các cơ sở giáo dục tư thục.

c) Cùng cố nâng cao chất lượng hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Ban đại diện cha mẹ học sinh là một thành viên quan trọng trong hệ thống giáo dục của nhà trường, một tổ chức tự nguyện có vai trò chính trong việc kết nối giữa phụ huynh học sinh, giáo viên và nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hội cha mẹ học sinh hoạt động và sẽ được xem xét trong quá trình đánh giá về xã hội hóa giáo dục và công tác quản lý nhà trường hàng năm.

- Ngoài học phí, Ban đại diện cha mẹ học sinh các trường đã tự nguyện đóng góp tài trợ hoạt động dạy và học, trang bị cơ sở vật chất. Cơ cấu của khoản chi nguồn tài trợ của cha mẹ học sinh thường bao gồm: các hoạt động thường xuyên phục vụ việc học tập của học sinh; Quỹ khen thưởng cho học sinh cuối kỳ, cuối năm học; hỗ trợ thăm hỏi, ốm đau, các hoạt động đột xuất trong lớp, trường; cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm nhỏ phục vụ trường, lớp học...

d) Công tác huy động nguồn lực trong các cơ sở giáo dục tư thục

- Sự phát triển mạnh và ngày càng mở rộng của mạng lưới tư thục thể hiện nỗ lực của xã hội chăm lo cho công tác giáo dục. Đóng góp lớn nhất là góp phần tích cực trong việc tạo ra nhiều mô hình học tập, đảm bảo cơ hội học tập cho học sinh, từ đó góp phần nâng cao dân trí của người dân và làm giảm đáng kể sức ép về quy mô mạng lưới trường công lập.

- Các trường tư thục đã tổ chức và cung cấp dịch vụ phù hợp với nhu cầu và điều kiện của người dân, nhờ những dịch vụ đặc thù này, một bộ phận học sinh, trẻ

em với những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau tiếp cận và duy trì được cơ hội học tập, chăm sóc và rèn luyện.

- Trường tư thục được thành lập, ngoài việc góp phần mở rộng quy mô và điều kiện học tập cho con em nhân dân, nhà trường còn có những thế mạnh như nhà trường chủ động xây dựng mức học phí, thù lao giáo viên thỏa đáng, có điều kiện thúc đẩy, nâng cao chất lượng chuyên môn và chọn lựa giáo viên giỏi cho nhà trường. Đặc biệt hiện nay, các trường mầm non tư thục trên địa bàn có sức hút mạnh với sự lựa chọn của người dân.

- Với sự gia tăng về số lượng và loại hình dịch vụ đã đáp ứng nhu cầu khác nhau về học tập của các nhóm xã hội khác nhau. Đằng sau sự đa dạng này cho thấy tiềm năng to lớn của xã hội có thể tham gia vào sự nghiệp giáo dục và có nhiều cách thức khác nhau để thỏa mãn nhu cầu của nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội.

6. Đánh giá chung

6.1. Ưu điểm

- Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục được triển khai tích cực, nhận thức về công tác xã hội hóa giáo dục của các cấp, các ngành và nhân dân có nhiều thay đổi; bước đầu đã có sự quan tâm, chăm lo, huy động sự đóng góp của nhân dân, các tổ chức xã hội, đoàn thể, đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc đóng góp công sức, xây dựng trường lớp.

- Việc huy động các nguồn lực xã hội, nhất là hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và các hoạt động giáo dục của nhà trường phục vụ nâng cao chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, cơ bản thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính tự nguyện, công khai, minh bạch; góp phần ổn định quy mô, chất lượng giáo dục các cấp học, thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập và đóng góp tích cực vào thực hiện chương trình xây dựng trường chuẩn quốc gia.

- Công tác xã hội hóa giáo dục thông qua vận động, thu hút các nhà đầu tư để đầu tư xây dựng mới các trường tư thục đã góp phần tích cực trong việc huy động trẻ đến trường, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân, giảm áp lực tuyển sinh lên các trường công lập, thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, phân luồng học sinh, giảm chi ngân sách nhà nước cho giáo dục.

- Việc thực hiện cơ chế chính sách của Nhà nước trên địa bàn tỉnh cơ bản được thực hiện kịp thời; trên địa bàn tỉnh đã ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai; có giai đoạn ngân sách tỉnh đã hỗ trợ cơ sở vật chất, mặt bằng; có nhiều cách làm sáng tạo trong việc huy động, sử dụng tài sản công để cho thuê tài sản, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Việc chuyển đổi mô hình các trường trung học phổ thông bán công, dân lập thành trường trung học phổ thông tư thục hoàn toàn phù hợp, đúng với Luật Giáo dục 2005; Luật Giáo dục sửa đổi 2009; Luật Giáo dục 2019; qua đó góp phần thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa giáo dục.

- Các trường trung học phổ thông tư thục từ khi chuyển đổi, thành lập mới đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn để duy trì hoạt động, góp phần nâng tỷ lệ

học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung học phổ thông, đảm bảo nhu cầu được học tập của nhân dân. Các trường cơ bản đảm bảo đoàn kết nội bộ; giáo viên tâm huyết, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chất lượng giáo dục đại trà cơ bản ổn định, nhiều trường có tỉ lệ học sinh tốt nghiệp cao, có điểm trung bình các môn thi cao. Các trường đều quyết tâm trong việc duy trì và từng bước phát triển nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, thu hút sự quan tâm của nhân dân đối với nhà trường, thu hút học sinh khá, giỏi vào học tại trường.

- Hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục đã giúp người dân được thụ hưởng, có thêm sự lựa chọn, tạo điều kiện cho các cấp quản lý điều chỉnh chính sách về giáo dục, giải quyết việc làm cho đội ngũ nhà giáo, tạo sự cạnh tranh, bình đẳng, giữa trường tư thục và công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Sự đóng góp từ xã hội cho giáo dục được quản lý hiệu quả, đúng mục đích, góp phần nâng cao và thúc đẩy sự nghiệp giáo dục trong tỉnh phát triển.

6.2. Hạn chế

- Việc huy động nguồn lực xã hội để phát triển đa dạng các loại hình trường, lớp còn hạn chế; chưa có nhiều loại hình đầu tư (*công lập tư chủ, liên kết, hợp tác,...*); số lượng cơ sở giáo dục tư thục còn ít; chưa phát triển được trường có cấp tiểu học, trung học cơ sở tư thục; quy hoạch mạng lưới trường, lớp ở địa bàn có tốc độ phát triển nhanh chưa hợp lý; số cơ sở giáo dục công lập rộng khắp, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh, ảnh hưởng đến việc đầu tư phát triển trường tư thục; chất lượng giáo dục một số trường trung học phổ thông tư thục còn hạn chế; chưa phát triển được trường chất lượng cao.

- Tỷ lệ học sinh được tham gia hoạt động giáo dục nghệ thuật, thẩm mỹ, hoạt động thể thao, được học các kỹ năng thực hành xã hội theo hình thức xã hội hóa, tỷ lệ các đơn vị có cơ sở hạ tầng phục vụ giáo dục (hồ bơi, nhà thi đấu, sân bóng đá, thư viện thông minh...) bằng hình thức xã hội hóa còn hạn chế.

- Đối với mầm non, để thực hiện phổ cập cho trẻ 5 tuổi, tỉnh đã chuyển đổi toàn bộ trường bán công sang công lập. Tuy nhiên các lực lượng trực tiếp tham gia vào quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng chưa nhiều; số lượng trường công lập ở thành phố Thái Bình còn nhiều không phù hợp với yêu cầu; định hướng phát triển theo Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ, vừa tạo áp lực về nhu cầu biên chế giáo viên, chi ngân sách của tỉnh vừa không tạo điều kiện cho việc phát triển các trường tư thục; đồng thời tạo tâm lý, tư tưởng bao cấp, trông chờ nhà nước. Còn có nhóm, lớp mầm non hoạt động tự phát, không được cấp phép; điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục chưa đảm bảo.

- Công tác xã hội hóa với các trường trung học phổ thông tư thục đang gặp khó khăn. Vị trí địa lý và các yếu tố kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình chưa thực sự hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư lớn cho phát triển giáo dục. Một số trường trung học phổ thông tư thục còn yếu về nguồn lực để đầu tư nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình phát triển; mức thu học phí phụ thuộc vào mức thu nhập của người dân; các trường chưa xây dựng, khẳng định được thương hiệu. Tài chính, tài sản tại một số trường khi chuyển đổi sang loại hình tư thục chưa được xử lý dứt điểm, gây ra một số khó khăn trong quá trình hoạt động ở một số trường.

- Việc thực hiện các cơ chế, chính sách để phát triển các trường tư thục chưa đồng bộ (*từ quy hoạch phát triển trường lớp, quy hoạch đất đai, mặt bằng, cơ chế đầu tư, cơ chế tuyển sinh, phát triển đội ngũ...*); việc thực hiện cơ chế tự chủ chưa có bước đột phá, chưa rõ lộ trình và cơ chế thực hiện.

- Việc chi ngân sách nhà nước cho giáo dục hàng năm còn nhiều khó khăn (*mới chỉ đáp ứng được một phần*); lương giáo viên, nhân viên hợp đồng, đặc biệt là giáo viên mầm non còn thấp.

- Việc thực hiện cơ chế thu, chi trong các nhà trường chưa vận động được nhiều nguồn tài trợ hỗ trợ các hoạt động. Ngoài ra, một số quy định của Nhà nước chưa đồng bộ dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

6.3. Nguyên nhân

- *Nguyên nhân khách quan*: Cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh còn chiếm tỷ trọng cao, chưa tự cân đối được ngân sách, thu nhập người dân thấp, chưa có nhiều lợi thế hấp dẫn nhà đầu tư vào lĩnh vực giáo dục.

- *Nguyên nhân chủ quan*: Công tác thông tin, tuyên truyền xã hội hóa giáo dục chưa được thực hiện đồng bộ, thường xuyên, nhận thức của một bộ phận cán bộ quản lý chưa thấy rõ tầm quan trọng của công tác xã hội hóa đối với sự phát triển kinh tế- xã hội; còn tư tưởng ỷ lại vào sự đầu tư, hỗ trợ, bao cấp của nhà nước, không muốn thực hiện cơ chế tự chủ; một bộ phận cán bộ, viên chức ngại thay đổi, còn tâm lý bần khoan, e ngại về vấn đề giữ biên chế nhà nước khi đơn vị thay đổi mô hình hoạt động; việc triển khai các chính sách để thu hút các nhà đầu tư chưa có những bước bứt phá, chưa quyết liệt.

THAI 93

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Trong thời gian tới, việc triển khai thực hiện chủ trương xã hội hóa có thuận lợi đó là: Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện phát triển sự nghiệp giáo dục, ưu tiên, tạo cơ chế xã hội hóa giáo dục. Bên cạnh thuận lợi, việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho phát triển giáo dục đào tạo còn gặp khó khăn, thách thức: Hệ thống văn bản chưa đồng bộ, chưa kịp thời...; dự báo quy mô trường, lớp, học sinh, nhu cầu học tập của người học có xu hướng tăng; ngân sách nhà nước chưa thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu cho phát triển giáo dục thời gian tới. Do đó, việc tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa cho phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

I. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG

1. Quan điểm

- Nhà nước chăm lo, đảm bảo cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu. Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của Nhà nước đối với giáo dục, trong đó ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục phải đảm bảo đủ theo chỉ tiêu pháp lệnh và tăng hơn khi kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển; đồng thời nâng cao cơ hội, khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công cho mọi tầng lớp nhân dân trên cơ sở giữ vững, phát huy tốt hơn nữa vai trò chủ đạo, then chốt, bản chất tốt đẹp, ưu việt, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận.

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nguồn lực của các cơ sở giáo dục; phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong thực hiện chủ trương xã hội hóa của Đảng và Nhà nước.

- Không tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân phát triển xã hội hóa giáo dục. Việc thực hiện xã hội hóa không được tạo áp lực cho người học và gia đình người học.

- Các nguồn lực xã hội cần được thu hút để chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong tổng chi phí toàn xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là trong bối cảnh tỉnh Thái Bình đang từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế và Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đồng thời với việc nhà nước tiếp tục tăng cường đầu tư ngân sách cho lĩnh vực giáo dục.

- Việc phân bổ, sử dụng nguồn lực đầu tư cho Nhà nước phải hợp lý, hiệu quả, phù hợp với số lượng học sinh, đảm bảo công bằng trong trách nhiệm và quyền lợi giữa trường công lập và ngoài công lập; đảm bảo trách nhiệm của Nhà nước đối với học sinh, nhất là học sinh thuộc diện phổ cập theo Luật Giáo dục, không phân biệt địa bàn, loại hình trường học.

- Việc huy động các nguồn lực của xã hội cho giáo dục và đào tạo không để thay thế mà là nguồn bổ sung quan trọng cho ngân sách nhà nước, góp phần làm tăng tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước tại các cơ sở công lập; khuyến khích các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập hợp tác, liên doanh, liên kết với các cơ sở ngoài công lập đúng quy định của pháp luật.

- Dịch vụ công trong giáo dục phải được cung ứng theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không thương mại hóa. Bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập. Mọi tổ chức, cá nhân đều được thụ hưởng các nguồn lực đầu tư của nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, chuyển mạnh sang cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các dịch vụ công mà các hệ thống các cơ sở giáo dục công lập không hoặc chưa đáp ứng được; chú trọng việc phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển, ưu tiên cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ ở vùng khó khăn và với các đối tượng yếu thế trong xã hội.

- Xã hội hóa giáo dục và đào tạo cần được coi là một chỉ tiêu trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Tùy thuộc điều kiện, hoàn cảnh kinh tế - xã hội cụ thể, ngành giáo dục các địa phương tham mưu xác định nhiệm vụ, chỉ tiêu xã hội hóa cần đạt được cho ngành, cho địa phương, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

- Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, tư vấn, hướng dẫn để các hoạt động xã hội hóa góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định hướng xã hội hóa giáo dục

- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các lực lượng xã hội đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục ngoài công lập chất lượng cao, để giảm áp lực về quy mô trường lớp nhất là ở địa bàn thị trấn, thành phố, khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Từng bước chuyển đổi một số cơ sở giáo dục công lập sang thực hiện theo cơ chế tự đảm bảo về chi thường xuyên. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội, của cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế.

- Phát triển các cơ sở, trung tâm giáo dục thực hiện các nội dung mà hiện nay các cơ sở giáo dục công lập chưa đáp ứng đầy đủ, nhằm giáo dục toàn diện Đức - Trí - Thể - Mỹ cho học sinh.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có ở địa phương như khu vực thể thao, sân chơi bãi tập..., tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục liên danh, liên kết để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu của người học và gia đình người học.

- Khuyến khích phát triển các trung tâm hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em tại cộng đồng; đặc biệt là việc phát triển các trung tâm phát hiện và can thiệp sớm trẻ tự kỷ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, tạo bước chuyển biến rõ rệt, thực chất trong thu hút, sử dụng và quản lý các nguồn lực của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển giáo dục; cùng với nguồn lực nhà nước tạo nên sự phát triển vững chắc của sự nghiệp giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; tạo cơ hội cho mọi người, mọi tổ chức đều được đóng góp để phát triển giáo dục cũng như được hưởng thụ những thành quả.

- Nâng cao năng lực, chất lượng ngành Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và nhu cầu của xã hội.

- Củng cố phát triển mạng lưới trường mầm non, phổ thông ngoài công lập theo hướng chuẩn hóa, đa dạng hóa các loại hình phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đảm bảo phát triển hợp lý tỷ lệ các trường công lập, tư thục, các loại hình trường theo hướng hội nhập với khu vực và quốc tế. Các cơ sở giáo dục ngoài công lập và các trường chuyển đổi sang mô hình tự chủ về chi thường xuyên phải hướng đến giáo dục chất lượng cao.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, công nhân lao động, giảm sự quá tải đối với các trường mầm non, phổ thông công lập, nhất là khu vực thành phố, khu công nghiệp tập trung, khu trung tâm huyện, khu đô thị mới đông dân cư, nhằm góp phần giải quyết an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người học và gia đình người học được tiếp cận các dịch vụ giáo dục đa dạng theo các nhu cầu khác nhau của từng đối tượng trong xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân học sinh. Đảm bảo cơ hội học tập cho các đối tượng học sinh diện chính sách, người nghèo, khuyết tật và các đối tượng khó khăn về điều kiện học tập.

- Đảm bảo công bằng trong giáo dục.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

a) Về việc thực hiện cơ chế tự chủ ở các cơ sở giáo dục công lập:

Đến năm 2025, có từ 03 đến 04 trường mầm non công lập, 01 trường trung học phổ thông công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ đảm bảo một phần chi thường xuyên với mức độ tự chủ chi thường xuyên là 50%.

b) Về phát triển cơ sở giáo dục tư thục:

- Phân đầu mỗi huyện phát triển thêm ít nhất 01 trường mầm non; riêng Thành phố phát triển thêm ít nhất 02 trường mầm non, 03 trường tiểu học (hoặc trường có nhiều cấp học trong đó có cấp tiểu học), 01 trường trung học cơ sở

(hoặc trường có nhiều cấp học trong đó có cấp trung học cơ sở), tăng từ 13 trường trở lên so với năm 2022.

- Tỷ lệ học sinh tự thực: Mầm non đạt 7%, phổ thông đạt 4% trở lên.

- Đảm bảo quyền lợi đi học cho mọi đối tượng, hình thành tối thiểu 03 trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hoà nhập.

c) Về việc huy động các nguồn lực xã hội hóa phục vụ các hoạt động giáo dục

- Phần đầu có ít nhất 45% số trường tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động giáo dục nghệ thuật, thẩm mỹ, hoạt động thể thao, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng sống theo hình thức xã hội hóa.

- Phần đầu có ít nhất 10% số trường tổ chức cho học sinh được sử dụng các cơ sở vật chất phục vụ giáo dục (hồ bơi, nhà thi đấu, sân bóng đá, thư viện thông minh...) dưới hình thức liên kết với các đơn vị cung ứng dịch vụ.

- Phần đầu có ít nhất 60% số đơn vị được sử dụng các thiết chế văn hóa ở cơ sở do nhà nước đầu tư.

- Phần đầu có 50% các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học tổ chức cho học sinh ăn bán trú.

- Phần đầu có ít nhất 5% học sinh đi học bằng xe công cộng theo hình thức xã hội hóa; riêng học sinh học trên địa bàn Thành phố phần đầu từ 30% trở lên.

2.2. Đến năm 2030

a) Về việc chuyển đổi mô hình và thực hiện cơ chế tự chủ ở các cơ sở giáo dục công lập:

- Đến năm 2030 thực hiện chuyển trường mầm non đã hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo chi thường xuyên, đồng thời chuyển từ 04 đến 05 trường mầm non công lập sang hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo một phần chi thường xuyên với mức độ tự chủ chi thường xuyên là 50%, thực hiện chuyển trường trung học phổ thông đã hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo một phần chi thường xuyên sang hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo chi thường xuyên, đồng thời chuyển 02 trường trung học phổ thông công lập sang hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo một phần chi thường xuyên với mức độ tự chủ chi thường xuyên là 50%.

b) Về phát triển cơ sở giáo dục tư thực:

- Tiếp tục phát triển thêm ít nhất 01 trường mầm non, 01 trường phổ thông có nhiều cấp học/huyện; riêng Thành phố phát triển thêm ít nhất 05 trường mầm non, 05 trường tiểu học (hoặc trường có nhiều cấp học trong đó có cấp tiểu học), 02 trường trung học cơ sở (hoặc trường có nhiều cấp học trong đó có cấp trung học cơ sở), tăng từ 26 trường trở lên so với năm 2025.

- Tỷ lệ học sinh tự thực: Mầm non 9%, phổ thông 7% trở lên.

- Tiếp tục hình thành thêm tối thiểu 04 trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hoà nhập.

c) Về việc huy động các nguồn lực xã hội hóa phục vụ các hoạt động giáo dục:

- Phần đầu có ít nhất 60% số trường tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động giáo dục nghệ thuật, thẩm mỹ, hoạt động thể thao; hoạt động trải nghiệm, kỹ năng sống theo hình thức xã hội hóa.

- Phần đầu có ít nhất 30% số trường tổ chức cho học sinh được sử dụng các cơ sở vật chất phục vụ giáo dục (hồ bơi, nhà thi đấu, sân bóng đá, thư viện thông minh...) dưới hình thức liên kết với các đơn vị cung ứng dịch vụ.

- Phần đầu 100% số đơn vị được sử dụng các thiết chế văn hóa ở cơ sở do nhà nước đầu tư.

- Phần đầu 100% các cơ sở giáo dục có cấp tiểu học tổ chức cho học sinh ăn bán trú.

- Phần đầu có ít nhất 10% học sinh đi học bằng xe công cộng theo hình thức xã hội hóa; riêng học sinh học trên địa bàn Thành phố phần đầu từ 45% trở lên.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và vai trò quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác xã hội hóa giáo dục

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương; nhận thức rõ vai trò lãnh đạo, tổ chức của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc tập hợp các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội trong quá trình thực hiện xã hội hóa giáo dục. Tăng cường vai trò của các tổ chức đoàn thể trong việc tuyên truyền công tác xã hội hóa giáo dục. Xác định rõ việc huy động các lực lượng xã hội tham gia hoạt động giáo dục nhà trường ở mỗi địa phương là hỗ trợ cho việc điều hành, chỉ đạo quản lý của Nhà nước.

- Chú trọng đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục, xác định công tác xã hội hóa giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá để phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục; gắn việc thực hiện xã hội hóa với rà soát, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế theo yêu cầu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Huy động sự vào cuộc đồng bộ, thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để vận động hội viên, đoàn viên tham gia tích cực vào xã hội hóa giáo dục; khuyến khích sự tham gia, đánh giá, giám sát và phản biện của toàn xã hội, tạo điều kiện để các tổ chức và người dân tham gia giám sát.

- Đẩy mạnh phân cấp trách nhiệm ở các cấp quản lý để tăng cường hiệu quả công tác kế hoạch, tổ chức, thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục. Chính quyền các cấp nghiên cứu, xây dựng được đề án, dự án, chương trình, kế hoạch để tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động các nguồn lực cho giáo dục. Ngành Giáo dục cụ thể hóa các mục tiêu phát triển các cấp học, công tác xã hội hóa giáo dục trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học, bảo đảm thực hiện đúng lộ trình đã đề ra từ nay đến năm 2030.

2. Hoàn thiện và ban hành một số cơ chế chính sách thúc đẩy xã hội hóa

- Thực hiện rà soát, sắp xếp, sáp nhập các cơ sở giáo dục công lập đảm bảo tinh gọn, hiệu quả và gắn với sắp xếp, sáp nhập các xã, phường, thị trấn.

- Rà soát hệ thống các văn bản, chính sách về xã hội hóa đã ban hành, hệ thống hóa các quy định về huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục theo từng lĩnh vực và nhóm vấn đề cụ thể, phát hiện những quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn và còn thiếu, đề xuất hướng chỉnh sửa, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp; kịp thời cập nhật những chủ trương, định hướng mới về xã hội hóa và có liên quan.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức đầu tư cho giáo dục và các cơ sở giáo dục ngoài công lập; về sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

- Đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước theo hướng Nhà nước bảo đảm đầu tư cho các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông); chuyển từ hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách, chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng.

- Ban hành chính sách của địa phương về quyền lợi của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được tuyển dụng, làm việc tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập, bảo đảm ít nhất ngang bằng với quyền lợi của đội ngũ nhà giáo làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ cho trẻ em, học sinh theo học ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành để triển khai thực hiện:

+ Đối với trẻ 5 tuổi: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho trẻ học tại các trường tư thục; thời gian thực hiện từ năm học 2024-2025 (được hưởng từ ngày 01/9/2024). Đối với trẻ 03, 04 tuổi, tùy vào lộ trình thực hiện phổ cập theo chỉ đạo của Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ phù hợp với lộ trình thực hiện phổ cập của địa phương.

+ Đối với học sinh tiểu học: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh học tại các trường tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng các chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

+ Đối với học sinh trung học cơ sở: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh học tại các trường tư thục; thời gian thực hiện từ năm học 2025-2026 (được hưởng từ ngày 01/9/2025).

- Xây dựng chính sách hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục, giáo viên ngoài công lập:

+ Đối với các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập: Hỗ trợ tất cả các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện hoạt động, mức hỗ trợ và nội dung hỗ trợ theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

+ Đối với các trường tiểu học, trung học và các độ tuổi phổ cập mẫu giáo: Nhà nước xem xét, hỗ trợ thiết bị dạy học tối thiểu (theo danh mục tối thiểu do Bộ

Giáo dục và Đào tạo) định mức áp dụng bằng định mức các trường công lập trên địa bàn;

+ Giáo viên tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập được tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bình đẳng như giáo viên công lập trên địa bàn.

- Ngoài các giải pháp về cơ chế, chính sách đã được cụ thể hóa trong Đề án; căn cứ vào điều kiện thực tế, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và khả năng cân đối ngân sách, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa giáo dục.

3. Cải thiện môi trường đầu tư trong lĩnh vực giáo dục đào tạo

- Rà soát các điều kiện đầu tư, các chính sách thuế, chính sách đất đai trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa quy trình thủ tục cho nhà đầu tư; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm bảo đảm thông tin thông suốt, minh bạch; giải quyết kịp thời những thắc mắc của nhà đầu tư trong quá trình thành lập, hoạt động của các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Bảo đảm đối xử bình đẳng và tạo môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch; không phân biệt cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục ngoài công lập, người học đều được tiếp cận cơ hội giáo dục và hưởng lợi từ các chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước.

- Ban hành các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư được thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất, được miễn giảm tiền thuê đất; được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất và được hưởng các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.

- Các địa phương, cơ quan đơn vị có liên quan có trách nhiệm, chủ động xây dựng chi tiết kế hoạch sử dụng đất hàng năm, cả giai đoạn để phát triển cơ sở giáo dục theo đúng lộ trình thực hiện của Đề án.

4. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục công lập

Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công cả về tổ chức - nhân sự, tài chính - tài sản, phân phối thu nhập, hợp tác, liên doanh, liên kết... theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản pháp luật liên quan nhằm thu hút sự đóng góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước dưới các hình thức khác nhau, giúp chia sẻ trách nhiệm cung cấp dịch vụ công của nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, tạo nguồn lực bổ sung để đầu tư, đổi mới cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục tiệm cận trình độ những nền giáo dục tiên tiến của khu vực và quốc tế. Trong đó, chú trọng các giải pháp sau:

- Đổi mới cơ cấu sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo hướng tăng đầu tư để bảo đảm cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục, tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục để từng bước tăng nguồn thu đảm bảo chi thường xuyên. Thúc đẩy áp dụng cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục công lập.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quy định của địa phương về huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo, như quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân...

5. Nâng cao năng lực, chất lượng các cơ sở giáo dục tự thực hiện có; tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục

- Tăng cường công tác hướng dẫn, tư vấn thúc đẩy các cơ sở giáo dục thực hiện đúng các quy định của ngành, của địa phương; đổi mới công tác tuyển sinh vào các trường công lập, tạo nguồn cho các trường ngoài công lập phát triển. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập tiếp cận các chính sách ưu đãi về nguồn lực, nhân lực để phát triển vững chắc chất lượng giáo dục.

- Rà soát, bổ sung, ban hành các quy định về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục. Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục;

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề xã hội hóa đối với các cơ sở giáo dục công lập cũng như ngoài công lập nhằm sớm phát hiện các bất cập, khó khăn, vướng mắc để kịp thời có biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ, xử lý; có chế tài với các cơ sở giáo dục không tuân thủ theo quy định.

6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền

- Tuyên truyền sâu rộng về các chủ trương, chính sách về xã hội hóa để tất cả các đối tượng liên quan (các cơ quan quản lý, nhà đầu tư, đơn vị công lập, ngoài công lập và toàn xã hội) nhận thức đúng đắn, đầy đủ và thực hiện có hiệu quả chủ trương huy động các nguồn lực của xã hội cho giáo dục, khắc phục và tiến tới xóa bỏ những định kiến, phân biệt đối xử giữa khối công lập và khối ngoài công lập;

- Phổ biến, tuyên truyền và tập huấn cho các nhà đầu tư, người quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập về các chính sách của nhà nước, quyền và nghĩa vụ của người tham gia tài trợ, đầu tư cho các cơ sở giáo dục;

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; lồng ghép các nội dung tuyên truyền, động viên, khuyến khích người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư, đóng góp cho giáo dục.

- Chú trọng thực hiện các hình thức ghi nhận, tôn vinh những cá nhân, tổ chức có đóng góp, tài trợ cho giáo dục, tuyên dương và phát động nhân rộng những gương điển hình đóng góp cho sự nghiệp giáo dục;

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp lý và chuyên môn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục trong việc thu hút và quản lý các nguồn lực huy động.

7. Công tác liên kết, hợp tác quốc tế

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và ưu tiên các hoạt động xúc tiến liên kết, hợp tác với các tổ chức, cơ sở giáo dục có uy tín, chất lượng trong và ngoài nước để hình thành các cơ sở giáo dục tư thục có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế trên địa bàn tỉnh để đáp ứng nhu cầu thụ hưởng dịch vụ giáo dục cao của xã hội. Trong đó tập trung ưu tiên cơ chế về đầu tư, đất đai, tín dụng, thủ tục hành chính... để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư thuận lợi trong triển khai dự án giáo dục chất lượng cao, tiêu chuẩn quốc tế.

- Tranh thủ mọi nguồn viện trợ của quốc tế để đầu tư cho giáo dục đào tạo từ nguồn vốn huy động của tổ chức, cá nhân của quốc tế gồm: vốn của các nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, đào tạo tư thục; học phí và phí; từ hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, quyên góp, cho tặng... của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Đề án; tham mưu triển khai thực hiện cơ chế về học phí, lệ phí tuyển sinh; cơ chế học phí đối với trường trọng điểm, lớp chất lượng cao. Chủ trì, phối hợp tham mưu các cơ chế, chính sách thực hiện xã hội hóa giáo dục.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố rà soát, tổ chức thực hiện sắp xếp mạng lưới trường học đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 hiệu quả.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và ban hành cơ chế khuyến khích đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; kịp thời nắm bắt, tham mưu cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tổ chức trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo hình thức xã hội hóa; xây dựng cơ chế hỗ trợ đầu tư đối với các trường tư thục để đảm bảo sự công bằng trong việc tiếp cận các nguồn lực đầu tư của xã hội đối với các nhiệm vụ phúc lợi xã hội chung.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn sự nghiệp giáo dục để thực hiện Đề án; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản, nhà đất dôi dư do sắp xếp trường, lớp.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố rà soát biên chế; đội ngũ giáo viên dôi dư sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy để bố trí cho phù hợp; hướng dẫn cơ chế tuyển dụng, sử dụng viên chức đối với các cơ sở giáo dục công lập thực hiện tự chủ; tham mưu đề xuất cơ chế hỗ trợ cho đội ngũ giáo viên ngoài công lập để đảm bảo sự công bằng về chế độ giữa giáo viên công lập và tư thục.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp đề xuất nhu cầu sử dụng đất trong lĩnh vực giáo dục, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích đất cơ sở giáo dục đào tạo theo quy định.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng làm cơ sở kêu gọi, thu hút đầu tư thực hiện các chủ trương xã hội hóa giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn theo quy định.



7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tuyên truyền các chủ trương, chính sách về xã hội hóa trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về xã hội hóa giáo dục.

8. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phù hợp đặc điểm, tình hình của địa phương; quy hoạch quỹ đất cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các cơ sở giáo dục tư thục phát triển trên địa bàn; rà soát trường, lớp xác định tài sản dôi dư; xây dựng phương án sắp xếp lại các cơ sở nhà đất dôi dư; chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên kết.

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát số lượng, biên chế giáo viên theo quy định; đề xuất tuyển dụng giáo viên tiểu học, trung học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để tổ chức thực hiện, tuyên truyền, nắm bắt tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân; tạo sự đồng thuận xã hội trong việc thực hiện Đề án. Chỉ đạo các cấp hội theo chức năng nhiệm vụ tích cực tham gia các nội dung, nhiệm vụ công tác xã hội hóa giáo dục ở địa phương, đơn vị.

10. Báo Thái Bình, Đài Phát Thanh và Truyền hình Thái Bình

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân, về mục đích, ý nghĩa, trách nhiệm trong việc triển khai, thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của tỉnh.

11. Các cơ sở giáo dục

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên và phụ huynh về chủ trương xã hội hóa giáo dục. Thực hiện việc vận động tài trợ của nhà trường theo đúng hướng dẫn, trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo dân chủ, tự nguyện, không ép buộc. Các khoản thu chi từ nguồn xã hội hóa phải công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện thu nhập, không cào bằng, tạo sự đồng thuận đối với cha mẹ học sinh và nhân dân. / *juv*